

Bản án số: 103/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 5 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Trần Thanh Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Ngọc N, sinh năm 1981

Cư trú tại: Ấp Hưng Thành, xã P, huyện C, tỉnh C. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh K, sinh năm 1973.

Cư trú tại: Ấp Tân Hùng, xã N, huyện Đ, tỉnh C. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2020 trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Lê Ngọc N trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông K chung sống với nhau vào năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung vì ông K không quan tâm lo lắng cho gia đình, không chung thủy. Mâu thuẫn vợ chồng bà có khuyên răn nhưng ông K không thay đổi và hiện vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay bà xác định không thể tiếp tục chung sống cùng ông K nên bà yêu cầu được ly hôn ông K.

Về con chung: Có một con chung tên Lê Mạnh C , sinh ngày 22/11/2014, hiện tại cháu C đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Bà N xác định không có.

Đối với bị đơn ông Lê Minh K : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông K theo quy định pháp luật, nhưng ông K không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Ông Lê Minh K là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh C triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng ông K vắng mặt không có lý do. Vào ngày 17/3/2020 bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K và bà N.

[2] *Về hôn nhân.* Bà N với ông K chung sống vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn và đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn theo quy định, do đó quan hệ hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà N cho rằng, quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, do ông K không quan tâm lo lắng cho gia đình và không chung thủy với bà, dẫn đến vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay, bà yêu cầu được ly hôn với ông K . Do bà N với ông K chung sống với nhau trong thời gian dài, mặc dù đủ điều kiện kết hôn nhưng lại không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà N với ông K là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung:* Tên Lê Mạnh C , sinh ngày 22/11/2014, hiện tại cháu C đang sống cùng bà N . Khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi con căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...*”. Viện dẫn từ điều luật trên thấy rằng, cháu C mới hơn 05 tuổi và từ khi anh chị ly thân đến nay cháu C do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định và hiện cháu đang học mẫu giáo. Để không làm ảnh hưởng việc học của các cháu, cũng như cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp thường xuyên của cha hoặc mẹ nuôi dưỡng, giáo dục, đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần của các cháu. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu C . Do đó, cần giao cháu C cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con bà N không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ:* Bà N xác định không có.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Ngọc N với ông Lê Minh K là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao Lê Mạnh C, sinh ngày 22/11/2014 cho bà Nữ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Lê Minh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con bà N không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010247 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà N, ông K có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Dương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT. Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Giang Nam

